TÒA PHÚC THẨM **TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 443/2025/HS-PT
Ngày: 27/10/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng;
Các Thẩm phán: Ông Võ Hồng Sơn;
Ông Hồ Sỹ Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Trung, Thư ký Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao: Ông Nguyễn Văn Vinh, Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hải Phòng; Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Hà Nội mở phiên toà để xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 371/2025/TLPT-HS ngày 30 tháng 9 năm 2025, do có kháng cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 121/2025/HS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hải Phòng.

- *Bị cáo có kháng cáo*:

1. Họ và tên: Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 03 tháng 7 năm 1969 tại tỉnh Nam Định (nay là: tỉnh Ninh Bình); ĐKHKTT: Số E Hưng Yên, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định (nay là: Số E Hưng Yên, phường N, tỉnh Ninh Bình); nơi ở: Số F Điện Biên, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định (nay là: Số F Điện Biên, phường Đ, tỉnh Ninh Bình); nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị T; chồng: Nguyễn Quang T1, sinh năm 1968 (đã ly hôn); có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số 235/HS-ST ngày 23/11/1994 của Toà án nhân dân tỉnh Nam Hà xử phạt 05 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa"; tại Bản án hình sự phúc thẩm số 649 ngày 24/5/1995 của Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tuyên y án sơ thẩm. Tại Bản án số 110/HS-ST ngày 30/5/2006 của Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng xử phạt 30 tháng tù về tội "Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan, tổ chức" cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28/02/2024 đến ngày 08/3/2024 chuyển tạm giam cho đến nay đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an Thành phố H; có mặt.

2. Họ và tên: Nguyễn Văn T2, sinh ngày 05 tháng 8 năm 1987 tại Thành phố

Hải Phòng; nơi cư trú: Số A N, phường V, quận L, Thành phố Hải Phòng (nay là: Số A N, phường L, Thành phố Hải Phòng); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hồng C1 (đã chết) và bà Lê Thị T3; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 28/02/2024 đến ngày 08/3/2024 chuyển tạm giam cho đến nay đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an Thành phố H; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Thanh H:* Luật sư Bùi Thị Kim D, Văn phòng L và Liên danh, Đoàn Luật sư Thành phố H; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T2:* Luật sư Hoàng Thị D1, Văn phòng L1, Đoàn Luật sư Thành phố H; có mặt.

- *Trong vụ án còn có 01 bị cáo khác, không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không triệu tập tham gia phiên toà.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bản án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Hồi 14 giờ 30 phút ngày 28/02/2024, tại khu vực đầu ngõ N, phường Đ, quận N, Thành phố Hải Phòng, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma tuý - Công an Thành phố H phối hợp cùng lực lượng chức năng phát hiện 02 đối tượng Nguyễn Văn T2 và Nguyễn Thị Thanh H đang giao nhận 02 hộp hàng do bưu điện C2 đến có biểu hiện về tội phạm ma tuý nên đã yêu cầu về trụ sở Công an phường Đ, Quận N, thành phố Hải Phòng kiểm tra. Kết quả phát hiện bên trong 02 hộp hàng chứa bánh kẹo, đồ ăn và 27 hộp kim loại hình trụ tròn bên trong đều chứa các viên nén hình chữ nhật màu tím có dập chữ "Cocacola", bên ngoài 02 hộp hàng đều có ghi thông tin người nhận là Nguyễn Thị T4, địa chỉ: Số B L - Đ - N - Hải Phòng, số điện thoại 0528346888. Ngoài ra, còn thu giữ trong túi quần bên phải đang mặc của T2 01 túi nilon màu trắng kích thước khoảng (02x02)cm trong chứa chất bột màu trắng, thu giữ của Tới 02 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel lắp sim thuê bao 0528346888; thu giữ của H 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, 01 thẻ ngân hàng, 01 căn cước công dân, 01 chìa khoá và số tiền 2.692.000 đồng. Tới khai nhận số vật chứng thu giữ trong 02 hộp hàng trên là ma tuý, T2 được H và Nguyễn Văn H1 thuê vận chuyển. Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của H tại tổ dân phố C, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định thu giữ 01 khay đựng sim điện thoại trên mặt có ghi số thuê bao 0528346888. Mở rộng điều tra, xác định được Nguyễn Văn H1, Bùi Như T5 (tên gọi khác: M) có liên quan đến hành vi vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy của T2 và H.

Tại Bản kết luận giám định về ma túy số 226/KL-KTHS ngày 02/3/2024 của Phòng K - Công an Thành phố H kết luận: Các viên nén thu giữ trong 02 hộp hàng khi bắt quả tang Nguyễn Văn T2 và Nguyễn Thị Thanh H là ma tuý loại MDMA, có tổng khối lượng 17.904,75 gam; số chất bột màu trắng thu giữ của T2 là ma tuý loại Heroine, có khối lượng 0,3 gam.

Quá trình điều tra đã xác định được như sau:

1. Hành vi Mua bán trái phép 200 gam Ketamine của Vũ Văn H2, Nguyễn Thị Thanh H, Nguyễn Văn T2, Bùi Như T5:

Khoảng năm 2019, Vũ Văn H2 và Nguyễn Thị Thanh H gặp và quen biết Lương Ngọc A, khoảng đầu tháng 5/2022 Ngọc A xuất cảnh đi nước ngoài, thường liên lạc về Việt Nam qua ứng dụng Telegram trong đó có tài khoản đăng nhập bằng số điện thoại +4915237196899 hoặc qua ứng dụng Zalo. Khoảng cuối năm 2022, H2, H về thành phố N, tỉnh Nam Định sinh sống và thỉnh thoảng có về Thành phố Hải Phòng ăn ở sinh hoạt tại khu nhà trọ của mẹ H là bà Trần Thị T, trú tại: Số I, Tổ N, phường Đ, quận N, Thành phố Hải Phòng; tại đây H2, H gặp và quen biết T2, T5. Do H2, T5 không sử dụng thành thạo các ứng dụng của điện thoại thông minh nên T2 thường giúp H2, T5 liên lạc Telegram, chuyển khoản ngân hàng…., H2 còn mượn điện thoại và tài khoản ứng dụng Telegram của T2 để liên lạc với Ngọc A. Khoảng giữa tháng 01/2024, Ngọc A liên lạc với H2 nói đang ở bên Đ và có Ketamine (hay gọi là Ke, kim tuyến) chất lượng tốt, sẽ chuyển 200 gam về Việt Nam được cất giấu trong hàng bánh kẹo cho H2 nhận để bán, trả Ngọc A 90.000.000 đồng, lời lãi thế nào H2 tự hưởng. H2 về trao đổi lại nội dung này và H đồng ý tham gia cùng. Khoảng 01 đến 02 ngày sau có một người (chưa rõ nhân thân lai lịch) liên hệ, gặp và đưa cho H2 01 điện thoại nhãn hiệu Masstel có lắp sim thuê bao 0528346888 để nhận hàng có cất giấu ma túy. Ngọc A dặn H2 khi nhận hàng lấy tên người nhận là Trần Thị T6 đồng thời gửi số tài khoản ngân hàng của cho H để chuyển khoản trả tiền ma túy. Do tên người nhận hàng là nữ giới nên H2 với H thống nhất chiếc điện thoại lắp sim 0528346888 nhận hàng ma tuý sẽ do H quản lý, sử dụng và H sẽ tự nhận là Trần Thị T6 để liên lạc với bên chuyển phát khi làm thủ tục nhận hàng. Khoảng đầu tháng 02/2024, Ngọc A liên lạc báo với H2 là sẽ gửi thử hàng chưa có ma túy về Việt Nam để xem quy trình kiểm tra, nhận hàng có an toàn không. H2 đồng ý thì có người gọi điện thông báo có hàng nước ngoài gửi về bến xe V, quận L, Thành phố Hải Phòng và H2 hiểu là hàng của Ngọc A gửi về nên nhờ T2 đi nhận hàng hộ và chở hàng về là 01 thùng xốp trong không có ma tuý, chỉ có bánh kẹo, lăn khử mùi… Sau lần thử nghiệm trên, Ngọc A gửi hàng có cất giấu 200 gam Ketamine về Việt Nam và báo cho H2. Đến khoảng ngày 06/02/2024, đơn vị chuyển phát liên lạc cho H thông báo có hàng từ nước ngoài gửi về Hải Phòng, do thời điểm đó H có việc bận phải về tỉnh Nam Định nên đã yêu cầu chuyển số hàng trên về văn phòng xe khách H, tỉnh Nam Định, H2 và H sau khi nhận 01 thùng hàng mở ra kiểm tra bên trong thấy có các túi bánh kẹo và 02 túi nilon trong chứa 200 gam Ketamine. H2 và H thống nhất nhờ Bùi Như T5 tìm khách mua số ma tuý trên, H2 liên lạc và T5 đồng ý. Đến khoảng ngày 12/02/2024, H2 mang 200 gam Ketamine đến nhà cho Thứ kiểm tra và thống nhất nếu Thứ bán được số ma tuý trên cho khách thì chuyển lại cho H2 110.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của H; quá trình giao dịch, thống nhất giữa H2 và Thứ trên thì T2 cũng có mặt và chứng kiến. Sau đó, T5 tìm được khách mua và đã chia làm nhiều lần trả tiền cho H2 bằng cách nhờ T2 chuyển khoản từ tài khoản của T5 vào tài khoản của H. Khoảng vài ngày sau, Ngọc A liên lạc với H2, H giục đòi tiền ma túy, tuy nhiên T5 chưa trả đủ tiền nên H2, H thống

nhất giảm tiền bán ma túy Thứ phải trả xuống 100.000.000 đồng và yêu cầu Thứ phải chuyển nốt tiền còn thiếu. Sau đó T5 nói khách của T5 kiểm tra Ketamine bị thiếu một ít nên Thứ chỉ đồng ý trả cho H2, H 85.000.000 đồng. Do thời điểm đó Ngọc A thúc giục đòi tiền ma túy gấp nên H2 đồng ý và báo lại cho Ngọc A. Sau đó T5 đã chuyển khoản trả nốt tiền còn thiếu để H chuyển khoản trả cho Ngọc A. Ngoài ra T5 cho thêm H2 3.500.000 đồng tiền công và trả công cho T2 5.000.000 đồng bằng cách trừ vào tiền T2 còn nợ Thứ trước đó.

Vũ Văn H2, Nguyễn Văn T2 khai nhận phù hợp như nội dung nêu trên.

Nguyễn Thị Thanh H không thừa nhận hành vi phạm tội và khai: Khoảng ngày 20/01/2024, Ngọc A nhắn tin bảo có Ketamine và hỏi H có khách không thì gửi về cho H bán. H nhắn cho một người cháu xã hội tên T7 (hiện chưa rõ nhân thân lai lịch) hỏi có làm về Ketamine không, T7 bảo không làm nên H báo lại Ngọc A là không bán. Đến khoảng đầu tháng 02/2024, H2 nói với H là Ngọc A có hàng gửi từ nước ngoài gửi nhờ H2 bán hộ (H không biết cụ thể là hàng gì), H2 có giới thiệu Thứ để mua. Do H2 không có tài khoản ngân hàng nên nhờ sử dụng tài khoản ngân hàng của H để nhận tiền của T5 và chuyển lại cho Ngọc A. H sau đó đã nhiều lần nhận chuyển khoản từ T5 và chuyển khoản vào nhiều tài khoản khác nhau do H2 cung cấp, trong đó có tài khoản của Nguyễn Thị Lan A1, sinh năm 1983, trú tại: Số A N, phường A, quận L, Thành phố Hải Phòng (vợ Ngọc A) số tiền 20.000.000 đồng.

Bùi Như T5 không thừa nhận hành vi phạm tội và khai: Thứ, H2, T2 có quan hệ bạn bè xã hội với nhau. Thứ không giao dịch mua bán ma túy gì với H2, T2, H. Đối với các lần chuyển khoản giữa T5 và H là do H2 đưa tiền mặt nhờ chuyển khoản cho H, không liên quan đến việc giao dịch, mua bán ma túy.

Công ty TNHH T11 cung cấp: Kiện hàng nêu trên có thông tin người gửi là Tran Hung 17866 015781412760, địa chỉ: Frankfurter A A B, G gửi cho người nhận là Trần Thị T6 ở thành phố Hải Phòng, số điện thoại: 0528346888.

Nguyễn Thị Lan A1 khai nhận: Ngọc A và Lan A1 có quan hệ vợ chồng, khoảng năm 2022 Ngọc A xuất cảnh sang nước ngoài và chưa quay về Việt Nam, vợ chồng thường liên lạc thông qua nhiều tài khoản mạng xã hội T8 và xác nhận tài khoản Telegram đăng nhập bằng số điện thoại +4915237196899 là một trong các tài khoản của Ngọc A. Khoảng giữa tháng 02/2024, Ngọc A liên lạc báo sẽ chuyển 20.000.000 đồng cho Lan A1 để trả nợ vay ngân hàng, sau khi nhận chuyển khoản 20.000.000 đồng từ tài khoản của H thì đã sử dụng để trả tiền nợ ngân hàng và nộp phí học cho con và không biết số tiền trên có liên quan đến việc mua bán, giao dịch ma túy.

Đối với đối tượng đã mua 200 gam Ketamine từ Thứ, không có thông tin để xác minh, làm rõ.

2. Hành vi vận chuyển trái phép 17.904,75 gam MDMA (thuốc lắc) của Nguyễn Văn T2, Vũ Văn H2, Nguyễn Thị Thanh H:

Khoảng sau tết nguyên đán năm 2024 vài ngày, Ngọc A liên lạc đặt vấn đề sẽ chuyển hàng cất giấu ma túy về Thành phố Hải Phòng để H2 nhận rồi chuyển

cho người khác và hứa trả công H2 20.000.000 đồng, H2 đồng ý. Ngọc A dặn H2 hàng chuyển lấy tên người nhận là Trần Thị T6, địa chỉ: Số B L, quận N, Thành phố Hải Phòng. H2 đã trao đổi nội dung trên với H, thống nhất vẫn để H quản lý chiếc điện thoại lắp sim số 0528346888 dùng để nhận hàng và tìm thêm người khác nhận hàng hộ để tránh bị lực lượng chức năng phát hiện. H2 đặt vấn đề thuê nhận thùng hàng có ma túy thì T2 đồng ý. Khoảng ngày 27/02/2024, bưu cục chuyển phát liên lạc đến số điện thoại 0528346888 để thông báo có 02 hộp hàng gửi đến, hẹn ngày 28/02/2024 sẽ giao hàng. H2, H biết là ma túy của Ngọc A chuẩn bị được giao đến thành phố Hải Phòng nên tối cùng ngày H2 báo cho T2 ngày hôm sau ma túy sẽ về đến nơi và bảo T2 chuẩn bị nhận hàng. Trưa ngày 28/02/2024, H2 và H đang ở quán bia tại ngã ba gần đầu ngõ N, phường Đ, quận N thì có nhân viên chuyển phát gọi đến số điện thoại 0528346888 để giao hàng từ nước ngoài gửi về cho Trần Thị Tam . H2 và H hiểu là hàng có ma túy do Ngọc A gửi về nên H trả lời tự nhận là Trần Thị T6 và hẹn nhân viên chuyển phát nửa tiếng sau chuyển hàng đến số B L, quận N, Thành phố Hải Phòng. Sau đó, H2 liên lạc bảo T2 đi đến địa chỉ trên để nhận hàng ma túy. Tuy nhiên, để dễ giám sát việc giao nhận hàng, H2 và H thống nhất chuyển địa điểm nhận hàng về khu vực đầu ngõ N, tức khu vực trước cửa nhà số B L, phường Đ, quận N, Thành phố Hải Phòng. H đã liên lạc với nhân viên chuyển phát chuyển địa điểm giao hàng đến địa chỉ trên. H2 liên lạc báo lại cho T2 nội dung như trên và bảo T2 đi vào trong ngõ N để cầm điện thoại nhận hàng (lắp sim số 0528346888). Khoảng 14 giờ 10 phút ngày 28/02/2024, T2 điều khiển xe mô tô BKS 15B1-310.79 đến nơi hẹn thì H đưa cho T2 chiếc điện thoại Masstel có gắn sim số điện thoại trên và bảo T2 liên lạc với nhân viên giao hàng và dặn Tới sau khi nhận hàng ma túy thì đem về để ở khu vực gần bờ rào nhà trọ bà Trần Thị T (mẹ của H) trong ngõ, H sẽ đứng ở gần giám sát. Tới sử dụng chiếc điện thoại H đưa liên lạc với nhân viên chuyển phát đang đứng ở khu vực đầu ngõ N chờ nhận hàng. Đến 14 giờ 19 phút cùng ngày, khi gần đến điểm hẹn, nhân viên chuyển phát gọi đến số điện thoại nhận hàng thì T2 không nghe máy. Khoảng 10 phút sau, khi thấy xe ô tô chở hàng của bưu điện đến đầu ngõ N thì T2 sử chiếc điện thoại Masstel gắn sim 0528346888 gọi vào số của nhân viên chuyển phát. Hai bên xác định đúng số điện thoại của nhau thì nhân viên chuyển phát bàn giao 02 hộp hàng cho T2 thì bị Công an đến yêu cầu T2 và H (đang đứng giám sát Tới gần đó) cùng 02 hộp hàng về trụ sở Công an phường Đ, Quận N, thành phố Hải Phòng làm việc.

Vũ Văn H2, Nguyễn Văn T2 khai nhận phù hợp với nội dung nêu trên. H2, T2 khai biết, nhận thức được bên trong 02 hộp hàng trên có ma túy, tuy nhiên không biết mục đích Ngọc A chuyển số ma túy trên về cho ai và để làm gì. H2 khai thời điểm H, T2 bị bắt quả tang thì H2 đang ngồi tại quán bia, đến khoảng 14 giờ 40 phút cùng ngày thì thấy tại khu vực đầu ngõ N có tiếng ồn ào nên H2 đi ra xem thì biết T2 và H đã bị bắt nên đã bỏ trốn vào Thành phố Hồ Chí Minh, đến ngày 09/7/2024 thì bị Cơ quan Công an bắt giữ theo Quyết định truy nã.

Nguyễn Thị Thanh H không thừa nhận hành vi phạm tội và khai: Khoảng ngày 26/02/2024, H cùng H2 về ở nhà trọ của mẹ H là bà Trần Thị T tại địa chỉ số I tổ N, phường Đ, Quận N, thành phố Hải Phòng. Trưa ngày 28/02/2024 H, H2

ra khỏi khu nhà trọ và đi vào quán bia tại khu vực gần ngã ba đầu ngõ N. Đến khoảng gần 14 giờ thì H2 đưa cho H 01 điện thoại nhãn hiệu Masstel và bảo H cầm đưa cho T2 khi đó đang đỗ xe cách quán bia khoảng 10 mét do chân H2 bị đau. H cầm chiếc điện thoại trên đưa cho T2 sau đó đi ra đầu ngõ mua cà phê. Tại đây H gặp lại T2 và đứng nói chuyện hỏi thăm Tới, không bảo T2 nhận hàng gì cả. Sau đó thì H thấy cơ quan Công an yêu cầu kiểm tra Tới cùng 02 hộp hàng và yêu cầu H đi cùng về trụ sở Công an để kiểm tra. H khai không biết và không liên quan gì đến 02 hộp hàng chứa ma túy trên.

Tài liệu điều tra xác định: Ma túy thuốc lắc được cất giấu trong 02 hộp hàng thuộc lô hàng có vận đơn số Mawb: 157-98780242, số Hawb: 00298780242 được vận chuyển từ Cộng hòa Czech đến DOH Quatar vào ngày 18/2/2024 sau đó chuyển tiếp đến Việt Nam trên chuyến bay số QR8954 ngày 20/2/2024. 02 hộp hàng có thông tin người gửi hàng là Nguyen My H3, số điện thoại: +31623961580, địa chỉ: Geranium S, N, Hà Lan và Công ty A2 địa chỉ L, Cộng hòa C là đơn vị vận chuyển. Sau khi thông quan, 02 hộp hàng được chuyển từ sân bay N đến Công ty C3 để đóng gói, phân loại và chuyển phát nhanh qua E đến người nhận. 02 hộp hàng tiếp tục được chuyển đến Bưu cục K1 - Hà Nội vào sáng ngày 27/02/2024 đến tối cùng ngày thì vận chuyển khỏi bưu cục và đến khoảng 13 giờ 30 phút ngày 28/02/2024 thì được vận chuyển đến bưu cục B. Sau đó 02 hộp hàng được bàn giao cho nhân viên bưu tá là anh Hoàng Thế T9, sinh năm 1975, trú tại: Số B P, A, D, Hải Phòng để chuyển phát cho H, T2.

Đối với đối tượng Lương Ngọc A, sinh năm 1979, trú tại: Số A N, phường L (nay là phường A), quận L, Thành phố Hải Phòng. Ngọc A đang bị khởi tố và truy nã về tội "Đánh bạc", hiện đã xuất cảnh đi nước ngoài từ ngày 01/5/2022, chưa có thông tin nhập cảnh trở lại. Tài liệu điều tra đến nay chưa đủ căn cứ vững chắc chứng minh Ngọc A có dấu hiệu đồng phạm mua bán trái phép 200 gam Ketamine và vận chuyển trái phép 17.904,75 gam MDMA với các bị cáo trong vụ án do H chưa thừa nhận hành vi phạm tội, chưa có kết quả tương trợ tư pháp thông tin liên quan đến Ngọc A, Cơ quan điều tra đã tách hành vi, tài liệu của Ngọc A ra xác minh theo thủ tục tin báo về tội phạm để làm rõ, xử lý sau.

Đối với đối tượng đã giao cho H2 chiếc điện thoại Masstel gắn sim 0528346888, do H2 không khai báo được nhân thân, lai lịch cụ thể nên không có căn cứ lập hồ sơ xử lý.

3. Hành vi Tàng trữ trái phép 0,3 gam ma túy Heroine của Nguyễn Văn T2:

Khoảng chiều ngày 27/02/2024, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên T2 đến khu vực đường T, Quận L, Thành phố Hải Phòng gặp và mua của đối tượng không quen biết 400.000 đồng Heroine, sau đó mang về nơi ở sử dụng một ít, số H còn lại Tới để trong túi nilon cất ở túi quần phía trước bên phải thì ngày 28/02/2024 bị cơ quan Công an phát hiện, thu giữ khi bắt quả tang.

Ngoài ra, T2 khai nhận quen biết với một đối tượng nam giới tên T10 có bán ma túy và đã nhiều lần được T10 đưa ma túy mang đi giao cho khách mua, được trả công mỗi lần bán ma túy bằng cách cho tiền tiêu vặt hoặc cho sử dụng ma túy cùng. Cơ quan điều tra xác định đối tượng trên là Trần Hải T10, sinh năm: 1974,

trú tại: Tổ A, phường V, quận L, Thành phố Hải Phòng. Ngày 11/5/2024, khám xét khẩn cấp nơi ở của T10 phát hiện, thu giữ tổng cộng 138,39 gam ma túy loại Methamphetamine. T10 phủ nhận việc quen biết và giao dịch ma túy với T2, ngoài lời khai của T2 thì không có tài liệu khác chứng minh T10 có hành vi đưa ma túy cho T2 để giao, bán cho khách. Đối với số ma túy thu giữ tại nhà T10, hiện Cơ quan điều tra đã ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với T10 về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Nguyễn Văn T2 khai nhận phù hợp như nội dung nêu trên.

Đối với Vũ Văn H2 trong giai đoạn truy tố đã chết theo Trích lục khai tử số 28/2025/TLKT ngày 02/4/2025 của Ủy ban nhân dân phường H, quận H, Thành phố Hải Phòng nên Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hải Phòng đã ban hành Quyết định đình chỉ vụ án số 01/QĐ-VKS-P1 ngày 08/4/2025.

Vật chứng của vụ án: Toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định và các đồ vật, tài sản khác được thu giữ trong quá trình điều tra, chuyển Thi hành án dân sự Thành phố H.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 121/2025/HS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hải Phòng, đã quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 250, điểm e khoản 3 Điều 251, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 40, Điều 55 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thanh H phạm tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy", "Mua bán trái phép chất ma túy". Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh H: Tử hình về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy", 18 (mười tám) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Thị Thanh H phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là: Tử hình.

Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 250, điểm e khoản 3 Điều 251, điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 40, Điều 55 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T2 phạm tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy", "Mua bán trái phép chất ma túy", "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T2: Tử hình về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy"; 17 (mười bảy) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; 03 (ba) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Văn T2 phải chấp hành hình phạt chung cho cả ba tội là: Tử hình.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Thị Thanh H và Nguyễn Văn T2 để bảo đảm thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo và quyền làm đơn xin Chủ tịch nước ân giảm án tử hình theo quy định của pháp luật.

- Ngày 23/6/2025, bị cáo Nguyễn Thị Thanh H và bị cáo Nguyễn Văn T2 có đơn kháng cáo, cùng với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Thị Thanh H giữ nguyên đơn kháng cáo và trình bày:

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, thừa nhận bản án sơ thẩm đã xét xử là đúng người, đúng tội không oan. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội với vai trò giúp sức cho bị cáo H2 (đã chết), bản thân là phụ nữ, tuổi đã cao, đang phải nuôi dạy 03 con, hình phạt bản án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo là quá nặng nên xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được sống, có cơ hội cải tạo làm người.

- Bị cáo Nguyễn Văn T2 giữ nguyên đơn kháng cáo và trình bày:

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, thừa nhận bản án sơ thẩm đã xét xử là đúng người, đúng tội không oan. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội với vai trò thứ yếu trong vụ án, bị cáo có bố là bệnh binh, có bác ruột là Liệt sỹ, hình phạt bản án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo là quá nặng nên xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo cải tạo, sớm trở về với gia đình và xã hội.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa sau khi phân tích, nội dung và các tình tiết của vụ án có quan điểm:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Thanh H, Nguyễn Văn T2 là trong hạn và đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về nội dung: Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị Thanh H đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình là đã có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Văn T2 nộp tài liệu thể hiện có bố đẻ là bệnh binh, có bác ruột là Liệt sỹ chống Mỹ, là đã có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Mặt khác, theo Luật số 86/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2025 đã bãi bỏ hình phạt "Tử hình" đối với hành vi phạm tội "Vận chuyển trái phép chất ma tuý". Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo, chuyển hình phạt "Tử hình" sang hình phạt "Tù Chung thân" cho các bị cáo Nguyễn Thị Thanh H, Nguyễn Văn T2 về tội "Vận chuyển trái phép chất ma tuý"; đối với hình phạt của các tội phạm khác đề nghị giữ nguyên và áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, sửa bản án sơ thẩm.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

Tại cấp phúc thẩm bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình là đã có tình tiết giảm nhẹ hình sự mới quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; mặt khác đã có sự thay đổi chính sách pháp luật đối với tội phạm "Vận chuyển trái phép chất ma tuý". Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo và xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh H với mức hình phạt như đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội đã đề nghị.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T2 trình bày:

Tại cấp phúc thẩm bị cáo tiếp tục thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, gia đình bị cáo có bố đẻ là bệnh binh, có bác ruột là Liệt sỹ chống Mỹ, hiện nay đã có sự thay đổi chính sách pháp luật đối với tội phạm "Vận chuyển trái phép chất ma tuý", bị cáo phạm tội với vai trò thấp trong vụ án, bị cáo tuổi đời còn trẻ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng chính sách nhân đạo, chấp nhận kháng cáo và xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T2 với mức tổng hợp hình phạt tù có thời hạn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; không có khiếu nại, tố cáo. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về tội danh, điều luật áp dụng: Tại phiên toà phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Thị Thanh H, Nguyễn Văn T2 khai nhận hành vi phạm tội của mình, thừa nhận bản án sơ thẩm xét xử là đúng người, đúng tội, không oan.

Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ kết luận: Khoảng giữa tháng 02/2024, Nguyễn Thị Thanh H, Nguyễn Văn T2 có hành vi đồng phạm với Vũ Văn H2, Bùi Như T5 mua bán trái phép 200 gam ma túy loại Ketamine. Khoảng trưa ngày 28/02/2024, Nguyễn Thị Thanh H, Nguyễn Văn T2 có hành vi đồng phạm cùng Vũ Văn H2 vận chuyển trái phép 17.904,75 gam ma túy loại MDMA thì bị Công an Thành phố H cùng các đơn vị chức năng khác phát hiện, bắt quả tang. Ngoài ra, Nguyễn Văn T2 có hành vi cất giữ trái phép 0,3 gam ma tuý loại Heroine với mục đích để sử dụng.

Do đó, bản án sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Thị Thanh H phạm tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy", "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 4 Điều 250; điểm e khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự; xét xử bị cáo Nguyễn Văn T2 phạm tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy", "Mua bán trái phép chất ma túy", "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 4 Điều 250; điểm e khoản 3 Điều 251; điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Về hình phạt:

Hành vi phạm tội "Mua bán trái phép chất ma tuý", "Vận chuyển trái phép chất ma tuý" của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, các bị cáo đều phạm nhiều tội, số lượng ma tuý các bị cáo phạm tội là rất lớn, xâm phạm chế độ quản lý độc quyền về các chất ma tuý của Nhà nước, gây ảnh hưởng rất xấu đến trật tự trị an - an toàn xã hội, nhân thân bị cáo Nguyễn Thị Thanh H không tốt, ngoài ra bị cáo

Nguyễn Văn T2 còn phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý". Các bị cáo đều là người đầy đủ có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi mua bán, vận chuyển, tàng trữ các chất ma túy là trái phép, là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện vì mục đích tư lợi và để phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá nhân nên cần xử lý nghiêm minh để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Xét thấy mức hình phạt mà bản án sơ thẩm đã quyết định đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất của tội phạm, tương xứng với hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm xảy ra và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị Thanh H đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình là đã có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; đối với bị cáo Nguyễn Văn T2 nộp tài liệu thể hiện có bố đẻ là bệnh binh, có bác ruột là Liệt sỹ chống Mỹ, là đã có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Mặt khác, theo quy định tại Luật số 86/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2025 đã quy định bãi bỏ hình phạt "Tử hình" đối với hành vi phạm tội "Vận chuyển trái phép chất ma tuý", là đã có sự thay đổi về chính sách pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo, chuyển hình phạt "Tử hình" sang hình phạt "Tù Chung thân" cho các bị cáo Nguyễn Thị Thanh H, Nguyễn Văn T2 về tội "Vận chuyển trái phép chất ma tuý"; đối với hình phạt bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về các tội "Mua bán trái phép chất ma tuý", "Vận chuyển trái phép chất ma tuý" được giữ nguyên.

[3] Với những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Thanh H, Nguyễn Văn T2. Sửa một phần bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Kháng cáo được chấp nhận một phần nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Thanh H, Nguyễn Văn T2. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 121/2025/HS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hải Phòng như sau:

- Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 250, điểm e khoản 3 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 55 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo

Nguyễn Thị Thanh H phạm tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy", "Mua bán trái phép chất ma túy". Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh H: Tù Chung thân về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy"; 18 (mười tám) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Thị Thanh H phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là: Tù Chung thân. Thời gian chấp hành hình phạt tù của bị cáo Nguyễn Thị Thanh H được tính từ ngày tạm giữ 28/02/2024.

- Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 250, điểm e khoản 3 Điều 251, điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 55 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T2 phạm tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy", "Mua bán trái phép chất ma túy", "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T2: Tù Chung thân về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy"; 17 (mười bảy) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; 03 (ba) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Văn T2 phải chấp hành hình phạt chung cho cả ba tội là: Tù Chung thân. Thời gian chấp hành hình phạt tù của bị cáo Nguyễn Văn T2 được tính từ ngày tạm giữ 28/02/2024.

2. Các bị cáo Nguyễn Thị Thanh H, Nguyễn Văn T2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ 1-TANDTC;
- Viện CT và KSXXPT tại Hà Nội, VKSNDTC;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- CA TP Hải Phòng;
- Trại TG - CA TP Hải Phòng;
- THADS TP Hải Phòng;
- Các bị cáo (qua Trại TG);
- Lưu HSVA, VPTA.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Tiến Dũng